

Thực trạng thực hiện các kỹ năng cần thiết trong hoạt động học tập của sinh viên các trường Công an nhân dân

Nguyễn Bích Hằng*, Nguyễn Sơn Hà**, Nguyễn Thị Kim Ngọc**,
Vũ Đình Minh Hiếu**, Đỗ Minh Tú**, Trần Đức Thiện**

*TS Học viện ANND, **B2.VBM.K2- Học viện ANND

Received: 8/2/2024; Accepted: 16/2/2024; Published: 26/2/2024

Abstract: Referring to university and higher education in the world in general and in Vietnam in particular, universities today require students to be highly self-aware and proactive in learning to dominate knowledge and meet the increasing demands of the professions as well as the whole society. Students at People's Public Security University are no exception, and the requirements for students in this particular profession are even higher. To be able to grasp comprehensively and in-depth professional knowledge, they must constantly try and make efforts in learning activities, especially spending a lot of time on self-study and find an appropriate and effective learning method. In particular, it cannot be denied the important role of regularly practicing a number of necessary skills for learning and research such as self-study skills, communication skills, presentation skills, critical thinking or reasoning skills, analysis and application of knowledge into practice and many other skills.

Keywords: Current status of necessary skills, learning activities, and students.

1. Đặt vấn đề

Bên cạnh một bộ phận xuất sắc, nổi trội với kết quả và thành tích học tập, rèn luyện đáng nể, vẫn tồn tại một nhóm đa số SV chưa thực sự có kết quả học tập hiệu quả. Hầu hết SV các trường CAND chưa thực sự xác định được phương pháp học tập hợp lý, chưa chủ động và áp dụng các KN, chiến thuật trong quá trình học tập tại môi trường lực lượng vũ trang mang tính kỷ luật cao. Bài viết này trình bày thực trạng việc thực hiện các KN cần thiết trong hoạt động học tập của SV các trường CAND, là nguồn cơ sở để có những tác động phù hợp giúp SV định hướng lại và phát triển năng lực của bản thân nhằm đạt được hiệu quả giáo dục và đào tạo cao nhất

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Thực trạng thực hiện các KN học tập cần thiết trong hoạt động học tập của SV các trường CAND

Trong hoạt động học tập của bản thân, ngoài những kiến thức được hướng dẫn, được giảng dạy trong trường, SV phải trang bị cho mình những KN học tập để có thể tiếp thu kiến thức và vận dụng chúng một cách hiệu quả và linh hoạt nhất. Các KN trong học tập phải được thực hiện thường xuyên và có kế

hoạch để đạt kết quả tối ưu. Tuy nhiên, đối với mỗi cá nhân, tầm quan trọng và mức độ thực hành các KN đó là khác nhau. Hầu hết SV nói chung và SV các trường CAND nói riêng đều có những hoạt động áp dụng một số KN vào quá trình học tập của bản thân như “KN thuyết trình, trình bày, diễn đạt tự tin trước tập thể và giảng viên”; “Tìm kiếm và đánh giá kiến thức ở những nguồn tài liệu khác nhau”; “Đọc và chuẩn bị tài liệu, chuẩn bị bài trước khi tham gia học tập”; “KN xử lý thời gian và chiến thuật làm bài thi, bài kiểm tra”; “KN viết và trình bày các công trình nghiên cứu khoa học, bài tập nhóm, hay các bài thực hành, thuyết trình”; “Tìm kiếm thông tin và tham gia thực hành các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ trong và ngoài giờ học”; “Tham gia hoạt động ngoại khóa”; “Tìm và chọn lọc giáo trình, tài liệu thích hợp phục vụ cho việc học tập” cùng nhiều KN cần thiết khác.

Để có thể đánh giá một cách khách quan tần suất hay mức độ thực hành và áp dụng các KN của SV các trường CAND hiện nay việc học tập, nhóm nghiên cứu đã thực hiện một cuộc khảo sát với 426 SV đến từ các Học viện, trường Đại học trong khối ngành CAND. Kết quả thu được như sau:

TT	Nội dung những kỹ năng	Mức độ									
		Rất thường xuyên		Thường xuyên		Thỉnh thoảng		Hiếm khi		Không bao giờ	
		Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
1	Nghe giảng và ghi chép nội dung bài giảng của giảng viên ngay trên giảng đường	102	23.94	198	46.48	75	17.61	22	5.16	29	6.81

2	Nghe giảng và ghi chép nội dung bài giảng của giảng viên khi tham gia học tập thực tế hoặc huấn luyện ngoài trời	63	14.79	222	52.11	105	24.65	10	2.35	26	6.10
3	Nghe giảng và diễn đạt được nội dung cơ bản của bài giảng bằng ngôn ngữ của bản thân	66	15.49	189	44.37	114	26.76	28	6.57	29	6.81
4	Thực hành lại các thao tác và nội dung được hướng dẫn khi học thực tế hoặc huấn luyện ngoài trời	60	14.08	201	47.18	96	22.54	31	7.28	38	8.92
5	Thực hành trực tiếp với các vũ khí, trang bị và dụng cụ học tập khi tham gia học tập võ thuật, quân sự, thực hành súng, ...	69	16.20	171	40.14	123	28.87	28	6.57	35	8.22
6	Thực hành điều lệnh đội ngũ CAND	54	12.68	174	40.85	138	32.39	28	6.57	32	7.51
7	Kỹ năng thuyết trình, trình bày, diễn đạt tự tin trước tập thể và giảng viên	69	16.20	159	37.32	123	28.87	43	10.09	32	7.51
8	Tư duy phân biện và đặt câu hỏi để phát hiện và giải quyết vấn đề trong và ngoài nội dung học tập	60	14.08	177	41.55	129	30.28	19	4.46	41	9.62
9	Xác định các vấn đề trọng tâm, trọng điểm và thiết yếu của bài học và môn học	69	16.20	174	40.85	93	21.83	52	12.21	38	8.92
10	Liên hệ được những kiến thức lý luận với các vấn đề thực tiễn	60	14.08	186	43.66	96	22.54	34	7.98	50	11.74
11	Tìm kiếm và đánh giá kiến thức ở những nguồn tài liệu khác nhau	63	14.79	153	35.92	114	26.76	58	13.62	38	8.92
12	Đọc và chuẩn bị tài liệu, chuẩn bị bài trước khi tham gia học tập	54	12.68	177	41.55	108	25.35	46	10.80	41	9.62
13	Thu thập và xử lý thông tin trong các buổi học, tham dự seminar, hội thảo khoa học, ...	54	12.68	186	43.66	105	24.65	43	10.09	38	8.92
14	Ghi chép và hệ thống kiến thức khi học và ôn tập, củng cố nền tảng tri thức	45	10.56	198	46.48	105	24.65	34	7.98	44	10.33
15	Kỹ năng quan sát, đánh giá, phân tích và tổng hợp thông tin, dữ liệu trong quá trình học tập và huấn luyện	57	13.38	183	42.96	105	24.65	40	9.39	41	9.62
16	Kỹ năng làm việc nhóm	57	13.38	177	41.55	126	29.58	31	7.28	35	8.22
17	Phân bổ thời gian học tập có hướng dẫn và thời gian tự học hợp lý	54	12.68	195	45.77	102	23.94	37	8.69	38	8.92
18	Kỹ năng xử lý thời gian và chiến thuật làm bài thi, bài kiểm tra	45	10.56	177	41.55	138	32.39	25	5.87	41	9.62
19	Kỹ năng viết và trình bày các công trình nghiên cứu khoa học, bài tập nhóm, hay các bài thực hành, thuyết trình	51	11.97	180	42.25	111	26.06	49	11.50	35	8.22
20	Tìm kiếm thông tin và tham gia thực hành các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ trong và ngoài giờ học	51	11.97	171	40.14	96	22.54	64	15.02	44	10.33
21	Tham gia hoạt động ngoại khóa	63	14.79	159	37.32	96	22.54	61	14.32	47	11.03
22	Đánh giá và rút kinh nghiệm sau mỗi lần thực hiện nhiệm vụ được giao hoặc nhiệm vụ bản thân đặt ra	51	11.97	195	45.77	93	21.83	52	12.21	35	8.22
23	Tìm và chọn lọc giáo trình, tài liệu thích hợp phục vụ cho việc học tập	54	12.68	174	40.85	129	30.28	31	7.28	38	8.92
24	Các kỹ năng khác (nếu có)	57	13.38	150	35.21	99	23.24	40	9.39	80	18.78

Kết quả thu được cho thấy, đa số SV các trường CAND đều thực hành một cách thường xuyên hầu hết các KN cần thiết được đề cập trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân. Trong đó có một số KN được SV áp dụng với cường độ **“Rất thường xuyên”** và **“Thường xuyên”** như: “Nghe giảng và ghi chép nội dung bài giảng của giảng viên ngay trên giảng đường” (70.42%); “Nghe giảng và ghi chép nội dung bài giảng của giảng viên khi tham gia học tập thực tế hoặc huấn luyện ngoài trời” (66.90%); “Thực hành lại các thao tác và nội dung được hướng dẫn khi học thực tế hoặc huấn luyện ngoài trời” (61.27%); “Nghe giảng và diễn đạt được nội dung cơ bản của bài giảng bằng ngôn ngữ của bản thân” (59.86%); “Phân bổ thời gian học tập có hướng dẫn và thời gian tự học hợp lý” (58.45%).

Kết quả cũng chỉ ra rằng, các KN trên là hoạt động thường ngày một SV trong ngành CAND cần thực hiện để có thể nắm vững, nắm chắc kiến thức và KN

thực hành của những môn học mang tính nghiệp vụ đặc thù của ngành như việc “học tập thực tế và huấn luyện ngoài trời” hay “thực hành lại các thao tác và nội dung học tập và huấn luyện thực tế”. Nếu không rèn luyện thường xuyên các KN đó hoặc chỉ áp dụng các KN học tập đơn giản như chú ý nghe giảng và ghi nhớ đơn thuần thì SV khó có thể vận dụng được các kiến thức được hướng dẫn một cách hiệu quả.

Trong khi đó, một số KN quan trọng khác, có ý nghĩa thực tiễn trong việc định hướng SV vận dụng kiến thức trong học tập và quá trình công tác sau này nhưng lại chưa được SV thực hiện với cường độ cao (SV thực hiện ở mức độ **“Thỉnh thoảng”**, **“Hiếm khi”** và **“Không bao giờ”**) như: “Tìm kiếm và đánh giá kiến thức ở những nguồn tài liệu khác nhau” (49.30%); “Tìm kiếm thông tin và tham gia thực hành các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ trong và ngoài giờ học” (47.89%); “Thực hành điều lệnh đội ngũ CAND” (46.48%); v.v. Các KN này nếu được

thực hành thường xuyên hơn sẽ tạo cho SV có một tư duy lập luận, phân biện và đánh giá nhiều nguồn tài liệu, từ đó SV cũng có được nhiều góc nhìn về một vấn đề, tránh việc tiếp nhận thông tin một cách máy móc và cái nhìn phiến diện. Việc SV chủ động tìm kiếm thông tin và vận dụng các kiến thức vào các tình huống nghiệp vụ cũng là một KN quan trọng giúp SV mở rộng thêm quỹ tri thức và nâng cao năng lực ngành nghề của bản thân sau này.

2.2. Nguyên nhân thực trạng thực hiện các KNCT trong hoạt động học tập của SV các trường CAND

Từ kết quả khảo sát đó, chúng tôi cũng đã tiến hành phỏng vấn một số SV đến từ các trường CAND khác nhau để tìm ra câu trả lời cho câu hỏi đầu là nguyên do dẫn tới hiện trạng thực hiện các KN cần thiết đó của SV. Sau đây là một số nguyên nhân:

2.2.1. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, xuất phát từ chính bản thân SV cùng tâm lý chưa an tâm, chưa chủ động và tích cực trong học tập, rèn luyện. Nhiều SV còn thụ động, chỉ tiếp thu những gì được hướng dẫn và chỉ bảo một cách đơn thuần, học thuộc lòng để chống chế khi kỳ thi, kỳ kiểm tra tới.

Thứ hai là, nhận thức và động cơ nghề nghiệp của chưa rõ ràng, không tâm huyết với trường và nghề mà mình đã chọn. Không ít SV được chúng tôi phỏng vấn có câu trả lời tương tự nhau rằng các trường CAND không phải là lựa chọn ưu tiên hay là lựa chọn thực sự của bản thân họ, mà do nhiều yếu tố như bố mẹ định hướng, người thân giới thiệu hay bạn bè rủ thi vào cùng.

Thứ ba SV chưa loại bỏ được những thói quen không tốt của bản thân, không đủ bản lĩnh vượt qua những cám dỗ từ môi trường và cuộc sống xung quanh.

2.2.2. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất là, Chương trình học tập nặng, vất vả, yêu cầu rất cao cả về pháp luật, chính trị và nghiệp vụ, nhiều môn học mới lạ, khô khan, nội dung khó hoặc chưa mang tính thực tiễn cũng gây cản trở cho quá trình học tập và thực hành của SV. Khối lượng kiến thức chuyên ngành quá nặng nhưng còn khô khan, mang tính lý luận nhiều cũng là yếu tố khiến SV gặp khó khăn trong việc vận dụng và lĩnh hội một cách sâu sắc.

Thứ hai là, thời gian sinh hoạt và học tập khép kín, gò bó, còn bất cập do có nhiều chế độ, nhiệm vụ phải thực hiện trong ngày cũng là nguyên nhân khiến nhiều SV khó khăn trong việc phân bổ và sắp xếp thời gian hợp lý. Quỹ thời gian đối với mỗi SV là khác nhau, do vậy để có được KN phân bổ thời gian trong ngày một cách hiệu quả, SV cần phải tìm cho mình một phương pháp phù hợp và cần thực hành thường xuyên.

Thứ ba SV chưa nhận được sự quan tâm, động viên kịp thời từ gia đình và cán bộ quản lý, một số cán bộ quản lý còn cứng nhắc, chưa kịp thời nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của học viên. Nhiều SV có những hoàn cảnh và điều kiện khác nhau, do vậy, nếu không được quan tâm, không được động viên kịp thời sẽ tạo cho họ cảm giác trường học và thầy cô là xa lạ, không ổn định được tâm lý cũng là nguyên do dẫn tới việc chán học, chán nản và không còn động lực cố gắng trong học tập và rèn luyện.

3. Kết luận

Thực trạng việc thực hiện các KN cần thiết trong hoạt động học tập của SV các trường CAND cho thấy đa số SV các trường CAND đều thực hành một cách thường xuyên hầu hết các KN cần thiết trong quá trình học tập và rèn luyện của bản thân. Trong đó có một số KN được SV áp dụng với cường độ cao nhưng mang tính truyền thống như “nghe giảng và ghi chép nội dung bài giảng của giảng viên ngay trên giảng đường hay khi tham gia học tập thực tế hoặc huấn luyện ngoài trời”; “thực hành lại các thao tác và nội dung được hướng dẫn”; ... Tuy nhiên, một số KN quan trọng khác, có ý nghĩa thực tiễn nhưng lại chưa được SV thực hiện với cường độ cao và chưa thực sự chủ động thực hiện như “tìm kiếm và đánh giá kiến thức ở những nguồn tài liệu khác nhau”; “tìm kiếm thông tin và tham gia thực hành các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ trong và ngoài giờ học”; ...

Nguyên nhân dẫn tới trạng thái trên bao gồm cả nguyên nhân chủ quan và nguyên nhân khách quan. Trong đó nguyên nhân chủ quan có ảnh hưởng nhiều hơn và mạnh mẽ hơn tới quyết định và việc thực hành các KN cần thiết trong quá trình học tập của SV. Để có thể hạn chế tới đa những ảnh hưởng tiêu cực và thúc đẩy hơn nữa việc tự giác thực hành các KN và chủ động trong học tập của SV các trường CAND cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường, giảng viên và SV.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Nhân Ái (2001), Tìm hiểu khó khăn tâm lý trong quá trình giải bài tập của học sinh lớp 11 trung học phổ thông, Luận văn thạc sĩ, Trường đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.
2. Hoàng Anh (2007) (chủ biên), Hoạt động-Giao tiếp-Nhân cách, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Bình (1995), Một số trở ngại tâm lý của giáo sinh thực tập công tác chủ nhiệm, Tạp chí Đại học và Giáo dục chuyên nghiệp, (Số 1).
4. Nguyễn Thanh Bình (1996), Những trở ngại tâm lý của SV thực tập tốt nghiệp với học sinh, Kỹ yếu Hội thảo thành tựu ứng dụng Tâm lý học, Hội Tâm lý - Giáo dục Viện Nam, lần 2.